

CƠ CHẾ QUẢN LÝ KÉP Ở LÀNG XÃ THỜI NHÀ NGUYỄN: GÓC NHÌN LỊCH SỬ VÀ GIÁ TRỊ KẾ THỪA

NHÂM THÚY LAN*

Làng xã trong chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền ở Việt Nam nói chung, ở thời nhà Nguyễn nói riêng chịu sự tác động bởi cơ chế quản lý kép: quản lý nhà nước và thiết chế tự quản. Bài viết nghiên cứu những mặt tích cực và hạn chế của cơ chế quản lý làng xã thời nhà Nguyễn, qua đó, rút ra các kinh nghiệm có thể vận dụng trong quá trình tổ chức và điều hành chính quyền địa phương hai cấp hiện nay.

Từ khóa: Cơ chế quản lý kép; làng xã; lịch sử; nhà Nguyễn; giá trị kế thừa; vận dụng.

Village communities under Vietnam's centralized bureaucratic absolute monarchy in general, and during the Nguyen Dynasty in particular, were influenced by a dual management mechanism comprising state management and self-governance. This article examines both the positive aspects and the limitations of the village administration mechanism under the Nguyen Dynasty, thereby drawing lessons that can be applied to the organization and operation of the current two-tier local government system.

Keywords: Dual management mechanism; village communities; history; Nguyen Dynasty; inherited values; application.

NGÀY NHẬN: 07/11/2025

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 05/12/2025

NGÀY DUYỆT: 16/12/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.359.2025.1372>

1. Đặt vấn đề

Chính quyền cơ sở luôn giữ vị trí then chốt trong bộ máy nhà nước, bởi đây là cấp gần dân nhất, trực tiếp chuyển tải chủ trương, chính sách của trung ương vào đời sống; đồng thời, nắm bắt nhanh nhất nhu cầu, nguyện vọng của người dân.

Ở Việt Nam, qua suốt chiều dài lịch sử, làng xã mặc nhiên được nhìn nhận như cấp chính quyền cơ sở với quá trình hình thành lâu đời, lưu giữ những giá trị truyền thống và đặc trưng bền vững, ảnh hưởng sâu sắc đến cách thức vận hành của thiết chế này. Trong nhà nước quân chủ, mô hình tự quản làng xã

tồn tại qua nhiều triều đại, dù quyền lực trung ương chủ yếu tác động gián tiếp thông qua đội ngũ chức dịch. Từ cải cách của vua Lê Thánh Tông thế kỷ XV, lần đầu tiên chính quyền trung ương can thiệp trực tiếp vào tổ chức và hoạt động làng xã, hình thành cơ chế quản lý kép giữa quyền lực nhà nước và tính tự trị truyền thống. Đến thời Nguyễn, đặc biệt sau cải cách của vua Minh Mạng, cơ chế này tiếp tục được củng cố.

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu vừa bảo đảm thống nhất quyền lực nhà nước, vừa

* ThS, Học viện Hành chính và Quản trị công

phát huy tính tự quản địa phương khiến việc nghiên cứu mô hình quản lý làng xã thời Nhà Nguyễn trở nên cần thiết, góp phần gọi mở những giá trị kế thừa cho hoàn thiện chính quyền cơ sở hiện nay.

2. Cơ chế quản lý kép ở làng xã thời nhà Nguyễn

2.1. Cơ chế tự trị làng xã

Về mặt tổ chức, bộ máy chính quyền cấp xã bao gồm: *cơ quan quyết nghị* và *cơ quan chấp hành*, độc lập tương đối với bộ máy nhà nước cấp trên. Nhân sự của hai cơ quan này đều không thuộc bộ máy quan lại do trung ương bổ nhiệm.

Cơ quan quyết nghị có tên gọi là Hội đồng kỳ mục. Cơ quan này bao gồm các thành viên đáp ứng đủ điều kiện do hương ước làng quy định và không giới hạn số lượng thành viên, không có nhiệm kỳ. Họ thường là các thân hào có danh tiếng trong xã, bao gồm: những người đỗ khoa bảng, đã từng làm quan hoặc đang làm quan, có phẩm hàm do vua ban, có tài sản hoặc các bậc cao niên có uy tín trong làng, các chức dịch đã hết nhiệm kỳ... Hội đồng này “chỉ chịu trách nhiệm trước cư dân trong xã”¹. Mô hình này khai thác được trí tuệ của những bậc chí sĩ - những người vừa am hiểu lệ làng vừa am hiểu phép nước.

Cơ quan chấp hành là Hội đồng chức dịch, bao gồm: lý trưởng, phó lý, trương tuần. Tất cả các xã đều có một Lý trưởng. Lý trưởng và phó lý đều do dân xã bầu ra, nhiệm kỳ 3 năm, chịu trách nhiệm trước cơ quan hành chính cấp trên². Họ không có lương bổng. Các làng xã trả thù lao cho họ bằng cách cấp cho mấy sào ruộng công để họ cấy cấy lấy hoa lợi (ruộng bút chỉ). Trương tuần và tuần đinh được thu lúa sương của các chủ ruộng làm thù lao. Đây là điểm rất tiến bộ, thể hiện mức độ tự chủ tài chính của cộng đồng làng xã và ràng buộc, thúc đẩy ý thức giám sát của người dân với người đứng đầu.

Về nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan quyết nghị và cơ quan chấp hành bảo đảm tự quyết mọi vấn đề của làng xã. Hội đồng kỳ mục có quyền thảo luận và quyết định các việc của làng xã, như: phân bổ thuế, cấp công điền công thổ, tuyển lính... Hội đồng chức dịch triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng kỳ mục; đồng thời, thi hành các mệnh lệnh của nhà nước, đặc biệt vấn đề ruộng đất và dân đinh.

Người đứng đầu xã - Lý trưởng, thể hiện vai trò “kép” rõ nét. Trước hết, họ thực hiện bốn phận với triều đình, gồm: quản lý ruộng đất thông qua địa bạ; kiểm soát chặt chẽ hộ khẩu; dân đinh; bảo đảm chỉ tiêu binh dịch; lao dịch và chịu trách nhiệm thu nộp thuế khóa với chế tài xử lý nghiêm ngặt bằng hình phạt hoặc tịch thu gia sản nếu để xảy ra thiếu hụt. Mặt khác, Lý trưởng phải chịu trách nhiệm về việc chung của làng xã, như: giữ gìn trật tự trị an, tổ chức và quản lý việc sửa đường, vét sông, làm thủy lợi, tổ chức dân chúng trong làng xã kịp thời thực hiện các công việc phòng, chống thiên tai, hạn hán, lũ lụt hay dịch bệnh.

Như vậy, tổ chức và vận hành của bộ máy làng xã bảo đảm sự cân bằng quyền lực giữa các thiết chế, duy trì được tinh thần dân chủ và ý thức cộng đồng nhưng không tách rời sự kiểm soát của chính quyền trung ương. Có thể khẳng định, nhà Nguyễn có ý thức khai thác giá trị tự quản truyền thống để đạt được mục đích quản lý hệ thống làng xã đồ sộ bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam với mô hình chính quyền cơ sở độc lập, tự quyết, tự chịu trách nhiệm trước những quyết định của mình và mang dáng dấp một “pháp nhân hành chính” thời hiện đại³.

2.2. Cơ chế quản lý hành chính của nhà nước trung ương và các cấp chính quyền đối với làng xã

Về mặt nguyên tắc, mỗi xã là một đơn vị hành chính cơ bản, phải tuân thủ và bảo

đảm các chính sách chung của triều đình. Chế độ tự trị chỉ có thể giúp xã, thôn độc lập tương đối về phương diện tổ chức và hoạt động nhưng vẫn phải chịu sự giám sát chặt chẽ của chính quyền trung ương và chính quyền cấp trên về phương diện chính trị và hành chính. Trước hết, sự giám sát này tỏ ra chặt chẽ đối với cơ quan chấp hành - đứng đầu là Lý trưởng. Tuy Lý trưởng do dân trong xã bầu nhưng kết quả bầu cử do quan tỉnh duyệt, Lý trưởng phải được quan tỉnh bổ nhiệm. Quan bản hạt sẽ theo dõi, thực hiện chế độ thưởng, phạt đối với Lý trưởng.

Đối với những hành vi vi phạm phổ biến của chính quyền xã, như: ẩn lậu ruộng đất, cầm cố, bán đợ ruộng đất công, các vị vua triều Nguyễn đã ban hành nhiều đạo dụ nhằm ngăn ngừa tình trạng trên. Vua Gia Long ban hành đạo dụ năm 1803 và năm 1804 về kiểm soát các việc quân cấp công điền. Vua Tự Đức ban hành hai đạo dụ vào năm 1844 để kiểm soát Hội đồng kỳ mục và cơ quan chấp hành xã trong việc quân cấp công điền, công thổ⁴. Không chỉ kiểm soát bộ máy chức dịch làng xã, nhà nước trung ương còn can thiệp vào luật làng - hương ước. *Một mặt*, hương ước cần phải qua sự kiểm duyệt của chính quyền. Những điều khoản không phù hợp với pháp luật của nhà nước hoặc đã bị lạc hậu, trái với ý chí của nhà nước có thể sẽ bị bác bỏ. *Mặt khác*, thông qua đại diện của mình tại làng là các Lý trưởng, nhà nước nắm quyền xử phạt các vụ vi phạm hương ước. Đây là biểu hiện cao nhất và rõ rệt nhất của việc nhà nước phong kiến dùng hương ước để nắm làng xã⁵.

Bên cạnh đó, các vị vua Nguyễn cũng tỏ ra thận trọng với các hình thức tự trị của các làng xã, đặc biệt e ngại sự thao túng của bộ máy chức dịch. Điều này được thể hiện qua sự kiện vua Minh Mạng từ chối du nhập hình thức bảo giáp - một thiết chế kiểm soát xã hội nông thôn của Trung Hoa với nguyên lý

tổ chức là an ninh bảo đảm qua sự tương hỗ⁶. Thay vào đó, làng xã được kiểm soát bởi một cơ chế hành chính khá chặt chẽ: trong mỗi tỉnh có quan bố chính sứ và án sát sứ. Cấp phủ có tri phủ, cấp huyện có tri huyện. Xuống đến tổng có chánh tổng. Các vị trí này đều giám sát chính quyền cấp dưới. Tầng nấc các cấp hành chính tạo một cơ chế kiểm soát tương đối chặt chẽ. Sự ràng buộc này khiến làng xã không thể tách rời khỏi quỹ đạo của quốc gia.

2.3. *Mối quan hệ giữa hệ thống quản lý hành chính và cơ chế tự trị*

Thứ nhất, trong tổ chức chính quyền xã, mối quan hệ giữa cơ quan quyết nghị và cơ quan chấp hành đã thể hiện tính chất “kép” trong quản lý làng xã. Cá nhân Lý trưởng là nhân viên thừa hành các quyết nghị của Hội đồng kỳ mục. Mọi công việc liên quan đến toàn thể dân trong xã, như: quân bổ thuế, tuyển lính, khẩu phần công điền... đều do Hội đồng kỳ mục đảm nhiệm. Cơ quan chấp hành - đứng đầu là Lý trưởng, thi hành các quyết nghị của Hội đồng kỳ mục. Tuy nhiên, Lý trưởng cũng là người thực thi các mệnh lệnh của các nhà chức trách cấp trên và phải chịu trách nhiệm về kết quả công việc. Những công việc quan trọng, như: quản lý ruộng đất, đốc thúc binh dịch, lao dịch, thu thuế... được Lý trưởng đảm nhận với tư cách là người thay mặt nhà nước tại địa phương; đồng thời, chịu thưởng, phạt từ kết quả đó. Với vị trí trung gian của Lý trưởng, quan hệ giữa chính quyền cấp trên và cư dân làng xã được giải quyết hài hòa.

Thứ hai, sự tồn tại song song mô hình làng xã được “hành chính hóa” và cơ chế tự trị đã hình thành một vòng quản lý hoàn thiện và hiệu quả, có lợi cho nhà nước cũng như người dân làng xã. Nói cách khác:

(1) Nhà nước hưởng lợi từ việc không cần phải lo chi phí duy trì bộ máy hành chính xã. Số lượng xã, thôn thời kỳ nhà Nguyễn ước

tính 16.884 đơn vị⁷. Ngân khố sẽ phải chịu gánh nặng lớn nếu triều đình phải trả lương cho các chức dịch. Các vấn đề cần giải quyết thường ngày tại làng xã, đặc biệt vấn đề trị an không còn là nỗi bận tâm của nhà nước. Mặt khác, triều đình vẫn đạt được mục đích quan trọng nhất đối với việc quản lý làng xã, đó là thu thuế và tuyển lính.

(2) Người dân làng xã được hưởng đời sống dân chủ ở mức độ nhất định. Dân cư xã thôn đã tự tổ chức đời sống của họ một cách chủ động, kịp thời và hiệu quả. Mỗi mô hình làng xã sẽ được vận hành để phục vụ các mục đích khác nhau, không có mẫu số chung... Nhà nước xác định được lĩnh vực nào cần dùng pháp luật để can thiệp, lĩnh vực nào lệ làng sẽ hiệu quả hơn. Vua Minh Mạng từng tuyên bố: “Việc hôn tế thì cứ cho theo phong tục, việc kiện cáo thì có luật nhà nước”⁸. Sự cai trị mềm dẻo, linh hoạt như vậy rất phù hợp với tính chất tự trị truyền thống của làng xã; đồng thời, đáp ứng được nhu cầu tập quyền cao độ của triều đình.

Thứ ba, hoạt động quản lý hành chính của nhà nước tạo thế đối trọng với cơ chế tự trị, tự quản làng xã. Mặc dù yếu tố tự trị đóng vai trò chủ đạo trong tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền làng xã nhưng hoạt động giám sát, quản lý hành chính giúp điều tiết hoạt động của bộ máy chức dịch làng xã, bảo đảm chính quyền xã là một cấu trúc quyền lực có tính bộ phận trong hệ thống chính quyền nhà nước thống nhất trên toàn bộ lãnh thổ. Ngay từ buổi đầu nắm quyền, khi còn rất nhiều các công việc cấp thiết, vua Gia Long đã có ý thức điều chỉnh đến nếp sinh hoạt của làng xã nhằm hạn chế bớt mặt tiêu cực, trì trệ đã tồn tại ăn sâu trong cộng đồng dân chúng. Năm 1804, nhà vua cho ban hành “Chiếu về định điều lệ hương đảng cho các xã dân ở Bắc Thành” với những quy định liên quan đến những sinh hoạt cốt lõi của làng xã, như: việc hôn lễ, việc tang ma, việc

khao vọng...⁹. Tinh thần này được các đời vua sau tiếp tục kế thừa.

Nhìn chung, mối quan hệ giữa hệ thống quản lý hành chính và cơ chế tự trị thời nhà Nguyễn cho thấy, tư duy quản trị hiện đại, đó là: nhà nước tập trung cho các chính sách vĩ mô, tôn trọng, thừa nhận năng lực tự quản của cấp cơ sở, từ đó thiết lập hợp lý địa vị pháp lý của chính quyền cấp cơ sở.

3. Một số giá trị kế thừa

Theo *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2025, chính quyền địa phương ở xã là chính quyền nông thôn, bao gồm Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân. Khác với chính quyền đô thị, chính quyền nông thôn được tổ chức và hoạt động trong cộng đồng dân cư mang tính tự cư truyền thống với văn hóa, phong tục tập quán lâu đời, riêng biệt. Cơ chế quản lý kép gọi mở những giá trị cốt lõi để giải quyết một số “điểm nghẽn” trong quản trị nông thôn hiện nay khi quy mô địa giới hành chính cấp xã được mở rộng, không còn cấp huyện. Chọn lọc hạt nhân hợp lý từ khía cạnh tự quản truyền thống là cách thức bảo đảm tối ưu hóa nguồn lực từ cơ sở, khơi gọi được thể mạnh đặc thù của làng xã người Việt cũng như ưu thế của các thiết chế phi chính thức. Đồng thời, tự quản là giải pháp bù đắp cho khoảng trống quản lý khi giảm đầu mối trung gian.

3.1. Duy trì và phát huy giá trị dân chủ làng xã

Một là, khuyến khích các làng xã xây dựng hương ước phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật. Hương ước là công cụ điều chỉnh truyền thống, gần gũi, linh hoạt và hiệu quả trong không gian làng xã. Cơ chế quản lý kép không thể thiếu việc sử dụng song song pháp luật và hương ước - luật làng. Khéo léo lồng ghép, cụ thể hóa nội dung pháp luật vào hương ước là cách thức điều chỉnh phù hợp, khả thi đối với chính quyền nông thôn. Những điều khoản về bảo vệ môi

trường như tại khoản 4 Điều 75 *Luật Bảo vệ môi trường* năm 2020 quy định phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn hay quy định của *Luật Hôn nhân và gia đình* năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), *Luật Bình đẳng giới* năm 2006, *Luật phòng, chống bạo lực gia đình* năm 2022... nên được cụ thể hóa trong hương ước.

Hai là, đề cao, khuyến khích tinh thần trách nhiệm của những người hoạt động không chuyên trách, đặc biệt là trưởng thôn, trưởng bản. Thực tiễn cho thấy, tại nông thôn, vai trò của trưởng thôn, trưởng bản rất quan trọng. Họ do dân bầu và không nằm trong bộ máy chính quyền. Do vậy, ở vị trí trung gian, họ là cầu nối giữa chính quyền Nhà nước và người dân. Tiếng nói của họ dễ thuyết phục cộng đồng bởi họ đại diện cho cộng đồng làng xã, người dân không coi họ là “người nhà nước”. Những chính sách của Nhà nước sẽ được triển khai dễ dàng hơn thông qua sự giải thích, tuyên truyền của trưởng thôn, trưởng bản. Trong quan hệ với chính quyền, trưởng thôn, trưởng bản là người dân địa phương, am hiểu mọi khía cạnh của địa phương sẽ có ý kiến, phản biện hiệu quả đối với các chính sách được triển khai tại cơ sở. Đặc biệt, quản lý hành chính và bảo đảm trật tự trị an ở mỗi vùng nông thôn khác nhau sẽ có nhiều sự khác biệt do địa hình, khí hậu, văn hóa, dân tộc, tâm lý dân cư. Sự nhanh nhạy, bám sát cơ sở của trưởng thôn, trưởng bản và uy tín của họ trong cộng đồng là thế mạnh giúp họ có thể giải quyết những vấn đề phát sinh một cách nhanh chóng và hiệu quả¹⁰.

Ba là, có quy định hợp lý đối với các chức danh ở thôn, bản. Điều 11 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố quy định tiêu chuẩn của trưởng thôn: có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ

chức nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao. Quy định trên chưa bảo đảm tính cụ thể đối với năng lực của trưởng thôn. Vì vậy, cần quy định trình độ tối thiểu của trưởng thôn phải là từ trung cấp, cao đẳng trở lên, bảo đảm nền tảng kiến thức để có khả năng hướng dẫn, tuyên truyền chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các lĩnh vực đất đai, nông nghiệp, xây dựng, môi trường... đều được điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Nếu trưởng thôn không có kiến thức, kỹ năng cơ bản thì khó có thể thực hiện tốt chức năng của mình, từ đó, cơ chế tự quản địa phương sẽ gặp nhiều khó khăn.

3.2. Hạn chế, xóa bỏ những ảnh hưởng tiêu cực của tính tự trị, tự quản làng xã

Mặc dù đã khéo léo thực hiện cơ chế quản lý kép đối với làng xã, nhà Nguyễn vẫn đối mặt với những hệ quả không mong muốn có nguyên nhân từ tính tự trị, tự quản làng xã, như: ăn lậu ruộng đất, đình điền; tình trạng cường hào làng xã; tính chất cục bộ, phân tán cố hữu. Trong nhà nước hiện đại ngày nay, xuất hiện nguy cơ “đẩy việc” của chính quyền xã cho trưởng thôn hoặc nguy cơ lạm quyền của người đứng đầu thôn, bản. Với vị trí là cầu nối giữa chính quyền nhà nước và người dân, những hiện tượng, như: phân phối hàng cứu trợ, huy động và phân phối các nguồn tài chính đến dân cư thiếu minh bạch, thậm chí giao đất trái thẩm quyền của một số trưởng thôn vẫn diễn ra không đúng với nguyên tắc thượng tôn pháp luật trong xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay¹¹.

Nạn cường hào khá phổ biến ở thời nhà Nguyễn, do một số nguyên nhân mang tính lịch sử, khách quan: nhân sự để quản lý tới tận xã, thôn có hạn, giao thông chưa phát triển, cư dân làng xã đại đa số mù chữ, không có khả năng biểu đạt nguyện vọng tới nhà nước trung ương... Những yếu tố đó không

còn tồn tại trong nhà nước hiện đại ngày nay. Nhưng những quan hệ họ hàng đan chéo ở nông thôn dễ dẫn tới sự cả nể, bè phái. Tâm lý dồn việc của chính quyền cấp xã cho các trưởng thôn, trưởng bản là nguy cơ khiến làng xã có hơi hướng của “tiểu triều đình”. Bên cạnh đó, những cộng đồng làng xã với dấu ấn tự trị, tự quản còn dẫn đến tâm lý “phép vua thua lệ làng”, thực hiện hành vi theo những quy tắc xử sự nội bộ đã lỗi thời, lạc hậu, trái với các quy định của pháp luật. Hiện tượng này xảy ra phổ biến ở các lĩnh vực giao thông, đất đai, hôn nhân - gia đình. Những hiện tượng tiêu cực có khả năng xuất hiện từ cơ chế tự quản làng xã như vậy cần phải được nhận diện và loại trừ.

3.3. Kiểm soát hoạt động của các chủ thể trong thực hiện cơ chế tự quản

Song song với việc duy trì, củng cố giá trị tự quản làng xã đã tồn tại như một truyền thống bền vững ở nông thôn Việt Nam, trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay, mọi hành vi của các chủ thể đều phải được xác định, đánh giá trên cơ sở pháp luật. Cơ chế giám sát đến từ nhiều chủ thể khác nhau hoàn toàn có thể giúp khắc phục những “lỗ hổng” của các hình thức tự quản. Trước hết, chính quyền xã cần phải xác định rõ mối quan hệ giữa các thiết chế mang tính tự quản với chính quyền nhà nước, nhất thiết phải giám sát chặt chẽ, kiểm soát toàn diện, ngăn ngừa kịp thời mọi hành vi lạm quyền. Bên cạnh đó, tăng cường, đề cao sự giám sát từ phía Nhân dân, các tổ chức xã hội, các đoàn thể. Trong điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin phát triển như hiện nay, việc mở rộng và khuyến khích người dân, các đoàn thể tham gia giám sát hoạt động của các thiết chế tự quản là biện pháp không thể thiếu. Người dân vừa là chủ thể thụ hưởng lợi ích từ các thiết chế tự quản, vừa giám sát, đánh giá sự hợp pháp, hợp lý của các quyết định, chính sách trong nội bộ cộng đồng.

4. Kết luận

Cơ chế quản lý kép ở làng xã thời Nguyễn cho thấy một mô hình kết hợp linh hoạt giữa quản lý nhà nước và khả năng tự điều chỉnh của cộng đồng dân cư. Sự đan xen giữa pháp luật trung ương và lệ làng truyền thống đã tạo nên một cấu trúc vận hành vừa giữ được trật tự, vừa phát huy trách nhiệm của người dân đối với đời sống cộng đồng. Nhìn từ hiện tại, mô hình này gợi mở giá trị quan trọng cho quản trị nông thôn, đó là khả năng tận dụng nguồn lực bản địa, huy động trí tuệ cộng đồng và duy trì cơ chế giám sát tự nhiên ngay tại cơ sở. Trong bối cảnh cải cách tổ chức chính quyền địa phương và yêu cầu nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, việc chọn lọc các yếu tố tích cực của cơ chế tự quản truyền thống để kết hợp với pháp luật hiện hành sẽ góp phần xây dựng một chính quyền cơ sở hiệu quả, gần dân và phù hợp với điều kiện nông thôn Việt Nam hiện nay. □

Chú thích:

- 1, 2. Nguyễn Minh Tuấn (2006). *Tổ chức chính quyền thời kỳ phong kiến ở Việt Nam*. H. NXB Tư pháp, tr. 131, 131.
- 3, 4. Vũ Quốc Thông (1968). *Pháp chế sử*. Sài Gòn, tr. 177, 181.
5. Bùi Xuân Đính (2005). *Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam: những suy ngẫm*. H. NXB Tư pháp, tr. 293.
6. Alexander Barton Woodside (2022). *Việt Nam và hình mẫu Trung Hoa, nghiên cứu so sánh về chính quyền dân sự nhà Nguyễn và nhà Thanh nửa đầu thế kỷ XIX*. NXB Thế giới, tr. 243.
7. Đỗ Bang (1997). *Tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn*. NXB Thuận Hóa, tr. 207.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002). *Đại Nam thực lục. Tập II*. H. NXB Giáo dục, tr. 221.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002). *Đại Nam thực lục. Tập I*. H. NXB Giáo dục, tr. 583 - 584.
10. *Kế hoạch đặc biệt sơ tán 115 người lên núi của vị trưởng thôn ở Lào Cai*. <https://dantri.com.vn>, ngày 13/9/2024.
11. *Thôn gắn biển QR đầu hẻm, đường thôn hiện đại hơn nhà mặt phố*. <https://tuoitre.vn>, ngày 13/5/2025.